

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23/4/2018

“V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm và ông Nông Hữu Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Không Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1050/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 19/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh T. Sinh năm 1977.

Tú tại: Số 92 Ama K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Cao Văn H. Sinh năm 1973.

Trú tại: Số 92 Ama K, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25/10/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà T và ông Cao Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/5/1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, bất đồng về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc, xô xát; ông H thiếu trách nhiệm với gia đình. Vì vậy, tình cảm yêu thương vợ chồng và hạnh phúc gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn ông Cao Văn H.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Trần Hoài T, sinh ngày 01/6/1997; Cao Trần Phúc A, sinh ngày 04/5/2002 và Cao Trần Bá N, sinh ngày 06/3/2009.

Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Cao Trần Phúc A và Cao Trần Bá N đến tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Cao Trần Hoài T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Cao Văn H trong bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân, con chung như bà T trình bày là đúng, ông H không bổ sung gì thêm. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên nay bà T xin ly hôn ông H không đồng ý ly hôn bà T vì ông H vẫn còn tình cảm với vợ con.

+ Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Cao Trần Hoài T, sinh ngày 01/6/1997, Cao Trần Phúc A, sinh ngày 04/5/2002 và Cao Trần Bá N, sinh ngày 06/3/2009.

Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung Cao Trần Phúc A và Cao Trần Bá N đến tuổi trưởng thành.

Đối với con chung Cao Trần Hoài T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn; mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Văn H đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền,

nghĩa vụ của bị đơn. Ông H mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không tham gia tố tụng đầy đủ để giải quyết vụ án, ông H cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Cao Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông H kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/5/1996. Sau khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, bất đồng về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc, xô xát.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông H ngày 28/02/2018, chính quyền địa phương cung cấp kết quả: Quá trình chung sống, bà T và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H hay say xỉn về nhà quậy phá. Địa phương cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành.

Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của bà T xin được ly hôn ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Cả bà T và ông H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung Cao Trần Phúc A, sinh ngày 04/5/2002 và Cao Trần Bá N, sinh ngày 06/3/2009 đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của bà T, ông H đối với con chung, cũng như để đảm bảo sự nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục được tốt nhất, phát triển về mọi mặt của con chung, cần giao cháu Cao Trần Bá N, sinh ngày 06/3/2009 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành; giao cháu Cao Trần Phúc A, sinh ngày 04/5/2002 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T, ông H không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Bà T được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000587 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thanh T. Cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn ông Cao Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Cao Trần Bá N, sinh ngày 06/3/2009 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Giao con chung Cao Trần Phúc A, sinh ngày 04/5/2002 cho ông Cao Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T, ông H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong quá trình bà T, ông H nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà T, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí LHST. Bà T được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí LHST đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000587 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND thị trấn Ea Knốp;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Hải

